

Thứ hai, ngày 10 tháng 2 năm 2020

Vietnam Daily Review

Sắc đỏ bao trùm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/2/2020		•	
Tuần 10/2-14/2/2020		•	
Tháng 2/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Áp lực điều chỉnh quay lại trên VN-Index trong cả hai phiên giao dịch. Trong phiên sáng, lực đỡ yếu ớt của GAS, SAB, CTG là không đủ để trì hoãn đà giảm của một loạt các mã bluechips như BID, VCB, VNM. Đến phiên chiều, chỉ số tiếp tục chìm sâu trong sắc đỏ và lùi về quanh ngưỡng 930 điểm. Độ rộng nghiêng hoàn toàn về phía bên bán với 220 mã giảm. Thị trường tiếp tục vận động giằng co trong kênh giá 930-950 điểm trong bối cảnh dịch cúm Corona vẫn có diễn biến khá xấu.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 860 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 10/2/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

Danh mục i-Invest: Theme_ Ngành Dược_ 3.7%. 13/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Dược** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **3.7%**, con số này của VNINDEX là -1.1%

Phân tích kỹ thuật: DGW_Hưng phần (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **CTG, VPB, HPG, NVL, FPT**

Điểm nhấn

- VN-Index **-10.02 điểm**, đóng cửa 930.73. HNX-Index **-0.94 điểm**, đóng cửa 103.97.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+0.45); BHN (+0.20); DHG (+0.14); TCH (+0.11); CTD (+0.09)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-2.93); VCB (-1.18); VHM (-0.77); VIC (-0.69); VNM (-0.61)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,213 tỷ đồng**, **-29%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 9.26 điểm. Thị trường có 122 mã tăng, 60 mã tham chiếu và 220 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **34.24 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VHM (22.30 tỷ), HPG (17.15 tỷ) và GAS (14.33 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **3.39 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

930.73

Giá trị: 2213.46 tỷ

-10.02 (-1.07%)

Khối ngoại (ròng): 34.24 tỷ

HNX-INDEX

103.97

Giá trị: 282.46 tỷ

-0.95 (-0.91%)

Khối ngoại (ròng): -3.39 tỷ

UPCOM-INDEX

55.37

Giá trị: 0.38 tỷ

-0.39 (-0.7%)

Khối ngoại (ròng): -1.33 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	50.0	-0.68%
Giá vàng	1,573	0.15%
Tỷ giá USD/VND	23,256	0.10%
Tỷ giá EUR/VND	25,458	0.00%
Tỷ giá JPY/VND	21,181	0.08%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	10.75%
LS TPCP 5 năm	2.2%	5.60%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	22.3	BID	13.8
HPG	17.2	IMP	11.8
GAS	14.3	VNM	6.7
PVD	7.5	TDM	6.0
STB	7.4	MSN	5.7

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **13/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Ngành Dược** - là nhóm cổ phiếu có tính phòng thủ, thích hợp cho đầu tư dài hạn, đặc biệt, trong giai đoạn thị trường biến động xấu - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **3.7%**, con số này của VNINDEX là -1.1%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **7/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Ngành Dược_3.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Ngành Dược	3.7%	-5.0%	8.7%	3.4%	9.8%	16.6%	49.5%	17.6%
Xây dựng	1.2%	3.2%	-6.1%	-15.7%	-15.9%	-21.3%	4.2%	18.3%
Lãi suất giảm	1.0%	3.4%	-1.5%	-6.8%	-4.7%	-1.1%	47.5%	17.9%
Nước & Năng lượng	0.0%	1.8%	-7.6%	-13.0%	-8.4%	-5.8%	35.3%	14.5%
Chiến tranh thương mại	-0.5%	2.0%	-7.3%	-11.3%	-16.5%	-5.4%	2.6%	15.6%
Vật liệu Xây dựng	-0.5%	-0.5%	-3.9%	-7.6%	-2.5%	5.6%	3.3%	18.7%
Hàng tiêu dùng	-0.6%	1.5%	-6.3%	-15.8%	-13.3%	-4.5%	44.4%	17.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.6%	2.9%	-2.4%	-1.4%	-3.8%	6.2%	39.7%	14.5%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.7%	1.2%	-6.3%	-13.7%	-12.7%	-12.8%	31.4%	21.1%
BDS & Khu công nghiệp	-0.8%	2.4%	-6.6%	-10.8%	-6.8%	-0.7%	48.0%	16.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.9%	0.2%	-4.7%	-10.4%	-4.3%	1.1%	69.9%	13.8%
Dầu khí	-0.9%	2.6%	-11.0%	-19.2%	-17.6%	-8.2%	6.7%	22.7%
FTSE Việt Nam	-1.0%	0.3%	-3.9%	-9.0%	-2.5%	2.7%	81.5%	14.9%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.2%	2.1%	-3.2%	-11.4%	-0.9%	-0.1%	48.2%	14.5%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-1.3%	1.1%	-4.3%	-8.6%	0.8%	7.7%	57.4%	15.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.3%	2.2%	-4.0%	-9.6%	3.2%	10.3%	63.7%	17.3%
VN Diamond	-1.4%	2.4%	-2.7%	-8.7%	4.4%	11.9%	60.5%	17.1%
VN FinSelect	-1.7%	3.4%	2.9%	-2.6%	11.1%	8.4%	37.8%	17.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.7%	1.0%	-2.1%	-5.2%	5.5%	26.7%	98.8%	19.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.8%	3.8%	4.4%	-0.9%	14.3%	12.4%	47.0%	19.4%
Ngân hàng	-2.0%	1.8%	4.0%	1.2%	17.7%	23.0%	79.8%	21.9%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 14	-0.2%	2.5%	-3.5%	-8.9%	3.3%	12.9%	58.2%	16.0%
Danh mục 2	-0.6%	2.6%	-2.3%	-8.8%	-0.2%	7.7%	103.6%	16.2%
Danh mục 10	-0.7%	0.5%	-5.8%	-8.7%	1.0%	21.9%	76.2%	17.0%
Danh mục 6	-1.7%	1.5%	-6.4%	-13.6%	-3.2%	5.1%	72.2%	20.8%
Danh mục 15	-1.8%	0.6%	-9.0%	-15.4%	-10.4%	-4.5%	45.7%	18.0%

* Note **7/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 22	0.1%	1.1%	-6.6%	-10.7%	-2.2%	14.4%	52.5%	16.4%
Danh mục 20	-0.2%	2.5%	-5.0%	-8.5%	-1.9%	9.4%	50.9%	16.9%
Danh mục 19	-0.5%	1.3%	-5.0%	-7.7%	0.8%	13.3%	53.4%	15.3%
Danh mục 25	-1.4%	1.0%	-3.9%	-8.5%	0.5%	18.7%	98.6%	16.8%
Danh mục 24	-1.7%	2.1%	-8.8%	-15.8%	-9.5%	10.6%	75.3%	20.3%

* Note **4/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

INDEX								
VNINDEX	-1.1%	0.3%	-3.6%	-9.1%	-3.6%	1.6%	35.4%	15.4%
VN30INDEX	-1.2%	1.2%	-3.4%	-9.5%	-1.8%	-1.9%	34.2%	15.8%

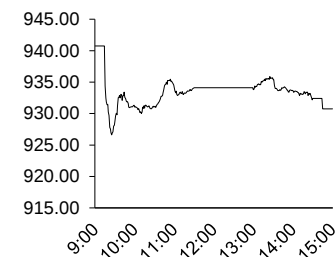
*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH
2/10/2020
Vietnam Daily Review

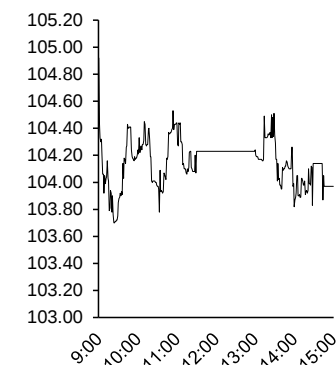
Vũ Quốc Khánh
khanhvuq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Y tế	2.7%
Ô tô và phụ tùng	1.0%
Xây dựng và Vật liệu	0.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.5%
Truyền thông	0.4%
Tài nguyên Cơ bản	-0.3%
Thực phẩm và đồ uống	-0.4%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.4%
Hóa chất	-0.6%
Dầu khí	-0.6%
Bất động sản	-0.8%
Công nghệ Thông tin	-1.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.1%
Dịch vụ tài chính	-1.3%
Du lịch và Giải trí	-1.8%
Viễn thông	-2.1%
Ngân hàng	-2.2%
Bán lẻ	-2.3%
Bảo hiểm	-2.6%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

DGW_Hưng phần

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: DGW đang có sự tăng giá mạnh mẽ khi chỉ trong vòng 3 ngày cổ phiếu đã tăng hơn 10%. Hôm nay, thanh khoản tăng cao đã đẩy giá cổ phiếu lên mức trần và cũng tạm cận trở lại vùng đỉnh cũ tại khu vực 27-28. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang ở trong trạng thái tích cực. Chỉ báo RSI cũng chưa đi vào vùng quá mua cho thấy dư địa tăng ngắn hạn vẫn còn. Tuy vậy, cổ phiếu có thể sẽ xuất hiện sự điều chỉnh ngắn hạn nếu xuất hiện áp lực bán chốt lời trong những phiên kế tiếp. Theo đánh giá của chúng tôi, DGW hoàn toàn có đủ khả năng để vượt qua vùng cản tâm lý tại giá 29 để hướng về khu vực trên 30.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Hồi phục

[Link](#)

FPT_Xu hướng hồi phục

[Link](#)

VPB_Hồi phục

[Link](#)

HPG_Tăng giá

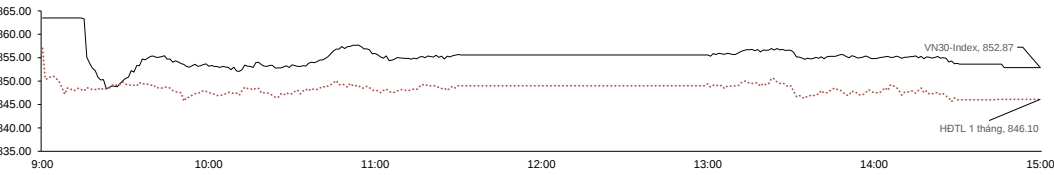
[Link](#)

NVL_Tăng giá

[Link](#)

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4 Hợp đồng tương lai								
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*	
VN30F2002	846.10	-1.27%	-6.77	-14.8%	107072	2/20/2020	12	
VN30F2003	846.60	-1.10%	-6.27	15.5%	246	3/19/2020	40	
VN30F2006	854.90	-1.01%	2.03	-17.9%	96	6/18/2020	131	
VN30F2009	856.40	-0.37%	3.53	-13.0%	60	9/17/2020	222	

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm -10.62 điểm xuống mức 852.87 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, MWG, TCB, VNM, và VJC tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm mạnh ngay đầu phiên hôm nay xuống dưới 850 điểm, trước khi phục hồi và vận động tích lũy trong phần lớn thời gian giao dịch còn lại quanh vùng 852-856 điểm. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy quanh vùng 850-860 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2002, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều giảm. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 860 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVPB2002	VPBS	4/8/2020	58	2:1	100	n/a	2.0 triệu	24.09%	1,000	2,100	70.73%	300.30	6.99
CROS2001	KIS	6/19/2020	130	4:1	835,750	323.5%	10.0 triệu	40.86%	1,500	150	7.14%	-	
CHPG1909	KIS	5/15/2020	95	2:1	142,580	-67.5%	5.0 triệu	26.45%	1,800	1,260	0.80%	661.60	1.90
CVIC1902	SSI	4/22/2020	72	1:1	8,000	8.1%	1.0 triệu	14.44%	22,700	9,680	-0.21%	3,243.60	2.98
CHPG1907	SSI	4/22/2020	72	1:1	72,790	8.3%	1.0 triệu	26.45%	4,200	4,580	-0.43%	3,672.90	1.25
CREE1905	MBS	6/17/2020	128	3:1	237,680	-6.0%	2.4 triệu	23.57%	2,150	1,240	-4.62%	370.40	3.35
CVNM2001	HSC	6/22/2020	133	10:1	61,620	1739.4%	5.0 triệu	20.03%	1,700	940	-5.05%	283.10	3.32
CFPT1908	MBS	6/17/2020	128	3:1	127,070	-64.3%	2.4 triệu	22.46%	3,150	1,850	-6.57%	985.30	1.88
CMBB2001	HSC	6/22/2020	133	2:1	72,300	38.5%	5.0 triệu	20.33%	1,600	1,420	-7.19%	731.40	1.94
CTCB1902	VND	6/5/2020	116	1:1	96,780	214.1%	2.0 triệu	23.05%	5,300	2,800	-7.28%	2,007.60	1.39
CVHM1902	SSI	4/22/2020	72	1:1	86,120	71.1%	1.0 triệu	22.03%	18,600	8,570	-8.54%	5,001.10	1.71
CHDB2002	MBS	4/10/2020	60	2:1	175,400	7.3%	1.5 triệu	23.33%	1,950	2,340	-9.30%	2,117.10	1.11
CVPB1901	VND	3/5/2020	24	1:1	86,590	-58.0%	2.0 triệu	24.09%	3,500	6,800	-9.45%	7,413.10	0.92
CVPB2001	HSC	6/22/2020	133	2:1	26,090	22.5%	5.0 triệu	24.09%	1,500	3,320	-9.78%	2,877.10	1.15
CVNM1903	SSI	4/22/2020	72	1:1	118,910	51.5%	1.0 triệu	20.03%	26,600	6,170	-9.93%	1,176.00	5.25
CMWG2002	MBS	4/24/2020	74	10:1	90,720	-24.2%	2.0 triệu	23.44%	1,950	1,230	-12.14%	695.90	1.77
CVJC1902	SSI	4/22/2020	72	1:1	7,800	1.7%	1.0 triệu	18.25%	27,900	11,600	-12.91%	5,604.00	2.07
CPNJ2001	MBS	4/24/2020	74	5:1	195,130	-11.6%	2.0 triệu	22.16%	2,200	1,360	-13.38%	665.90	2.04
CMBB1903	SSI	4/22/2020	72	1:1	121,660	134.9%	3.0 triệu	20.33%	4,000	1,360	-15.53%	610.70	2.23
CFPT1905	SSI	4/22/2020	72	1:1	32,450	-58.4%	1.0 triệu	22.46%	9,900	3,040	-20.00%	1,650.10	1.84
CMBB1905	HSC	4/8/2020	58	2:1	208,950	72.4%	5.0 triệu	20.33%	1,700	550	-24.66%	114.30	4.81
CMWG2003	MBS	4/24/2020	74	10:1	9,020	1309.4%	4.0 triệu	23.44%	1,530	750	-25.00%	275.30	2.72
Tổng:					2,813,510		64.30 triệu	22.99%**					
Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất													
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%													
**Trung bình độ lệch chuẩn													
CR: Tỷ lệ chuyển đổi													
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn													
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes													

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 10/2/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch giảm.

• Về giá, CMWG2003 và CMBB1905 giảm mạnh lần lượt là -25.00% và -24.66%. Trái lại, CVPB2002 tăng mạnh nhất 70.73%. Thanh khoản thị trường giảm -17.42%. CROS2001 có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 22.84% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HDB, HPG, VHM và VPB, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG1907 và CVPB1901 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CVPB2001 và CVPB2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
CTD	60.70	6.87	0.18
ROS	8.06	6.90	0.18
GAS	86.80	0.93	0.10
HPG	24.35	0.00	0.00
MSN	49.90	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VPB	24.6	-2.96	-1.75
MWG	105.8	-2.67	-1.17
TCB	21.9	-1.35	-0.93
VNM	109.0	-1.09	-0.90
VJC	129.0	-1.68	-0.79

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVPB2002	22,300	20,300	24,600
CROS2001	32,468	26,468	8,060
CHPG1909	28,280	24,680	24,350
CVIC1902	137,700	115,000	113,700
CHPG1907	25,200	21,000	24,350
CREE1905	41,050	34,600	33,550
CVNM2001	137,000	120,000	109,000
CFPT1908	63,450	54,000	52,600
CMBB2001	24,200	21,000	21,000
CTCB1902	26,300	21,000	21,850
CVHM1902	103,600	85,000	86,200
CHDB2002	29,900	26,000	29,500
CVPB1901	21,500	18,000	24,600
CVPB2001	23,000	20,000	24,600
CVNM1903	145,580	118,980	109,000
CMWG2002	129,500	110,000	105,800
CVJC1902	157,900	130,000	129,000
CPNJ2001	94,500	83,500	81,500
CMBB1903	26,000	22,000	21,000
CFPT1905	64,900	55,000	52,600
CMBB1905	26,400	23,000	21,000
CMWG2003	129,800	114,500	105,800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	105.8	-2.7%	0.7	2,085	3.3	8,655	12.2	3.9	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	81.5	-1.3%	1.2	798	2.0	5,327	15.3	4.0	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	57.5	-3.8%	1.3	1,856	0.5	1,632	35.2	2.2	29.6%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	32.0	0.9%	0.7	322	0.2	2,859	11.2	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	113.7	-0.6%	0.9	16,721	1.0	2,268	50.1	5.1	14.8%	11.7%
VRE	Bất động sản	31.1	-2.8%	1.1	3,073	0.8	1,253	24.8	2.6	32.9%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.1	0.0%	0.8	2,281	0.8	3,563	15.2	2.4	6.9%	16.3%
REE	Bất động sản	33.6	-1.0%	1.0	452	0.8	5,286	6.3	1.0	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	12.4	-0.8%	1.6	281	1.9	2,849	4.3	0.9	45.2%	20.3%
SSI	Chứng khoán	17.6	-0.8%	1.4	395	0.6	1,708	10.3	0.9	55.1%	9.4%
VCI	Chứng khoán	26.4	-0.4%	1.0	189	0.0	4,218	6.3	1.1	36.0%	18.0%
HCM	Chứng khoán	18.4	-2.4%	1.8	244	0.8	1,421	12.9	1.3	55.9%	11.7%
FPT	Công nghệ	52.6	-1.3%	0.9	1,551	1.7	4,225	12.5	2.5	49.0%	21.6%
FOX	Công nghệ	41.2	-3.1%	0.4	446	0.1	4,156	9.9	2.5	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	86.8	0.9%	1.5	7,223	1.1	6,096	14.2	3.4	3.7%	25.5%
PLX	Dầu khí	51.6	-0.4%	1.5	2,672	0.8	3,495	14.8	2.7	13.4%	19.6%
PVS	Dầu khí	16.1	-1.8%	1.4	335	0.9	1,529	10.5	0.6	21.5%	8.5%
BSR	Dầu khí	7.5	-1.3%	0.8	1,011	0.4	1,163	6.4	0.7	41.1%	11.0%
DHG	Dược	101.0	3.7%	0.5	574	0.2	4,668	21.6	3.9	54.3%	18.8%
DPM	Hóa chất	11.7	-0.9%	0.7	198	0.1	902	12.9	0.6	18.8%	3.7%
DCM	Hóa chất	5.8	0.0%	0.6	134	0.1	683	8.5	0.5	2.3%	5.5%
VCB	Ngân hàng	88.9	-1.2%	1.3	14,336	2.3	5,004	17.8	3.8	23.8%	25.1%
BID	Ngân hàng	49.1	-5.0%	1.7	8,586	2.4	2,398	20.5	2.6	18.1%	13.5%
CTG	Ngân hàng	26.6	-1.1%	1.6	4,306	7.3	2,541	10.5	1.3	29.8%	13.1%
VPB	Ngân hàng	24.6	-3.0%	1.2	2,607	5.2	3,370	7.3	1.4	23.4%	21.5%
MBB	Ngân hàng	21.0	-1.9%	1.1	2,123	5.6	3,480	6.0	1.3	20.9%	22.1%
ACB	Ngân hàng	23.6	-0.8%	1.2	1,700	1.3	3,686	6.4	1.4	30.0%	24.6%
BMP	Nhựa	40.7	-2.0%	0.8	145	0.3	5,165	7.9	1.3	80.6%	16.5%
NTP	Nhựa	29.0	0.0%	0.3	124	0.1	4,167	7.0	1.1	20.3%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	3.4%	1.1	645	0.0	732	20.5	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	24.4	0.0%	1.0	2,923	5.1	2,581	9.4	1.4	38.7%	17.0%
HSG	Thép	8.0	-1.2%	1.8	148	1.3	1,161	6.9	0.6	18.7%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	109.0	-1.1%	0.8	8,253	4.3	5,478	19.9	6.9	58.8%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	195.0	0.0%	0.8	5,437	0.6	7,477	26.1	6.6	63.4%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	49.9	0.0%	1.2	2,536	1.3	4,772	10.5	1.4	39.1%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	18.0	0.0%	0.4	459	0.9	508	35.5	1.5	6.3%	3.5%
ACV	Vận tải	57.0	-3.4%	0.8	5,395	0.2	2,630	21.7	4.0	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	129.0	-1.7%	1.1	2,938	1.5	7,889	16.4	4.4	19.5%	28.7%
HVN	Vận tải	27.3	-2.5%	1.7	1,683	0.5	1,640	16.6	2.1	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	19.3	-0.8%	0.9	249	0.3	1,595	12.1	0.9	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	13.4	-1.8%	0.5	164	0.3	2,421	5.5	0.9	32.2%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	73.6	2.5%	1.1	512	1.1	8,824	8.3	3.4	2.2%	45.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	17.4	-1.7%	0.7	339	0.2	1,454	12.0	1.2	13.3%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.4	-0.7%	0.8	238	0.0	1,953	7.3	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	60.7	6.9%	0.9	201	0.7	8,858	6.9	0.6	47.0%	8.2%
VCG	Xây dựng	25.1	0.0%	1.0	482	0.1	1,567	16.0	1.6	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.8	0.0%	0.4	256	0.1	1,750	13.6	1.1	51.0%	8.8%
POW	Điện	9.7	-2.3%	0.6	986	0.6	1,064	9.1	0.9	13.3%	7.8%
NT2	Điện	20.4	-0.7%	0.5	255	0.1	2,577	7.9	1.4	18.6%	19.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	86.80	0.93	0.45	282460.00
BHN	63.80	4.59	0.19	1350.00
DHG	101.00	3.70	0.14	51850.00
TCH	44.05	2.32	0.11	660200.00
CTD	60.70	6.87	0.09	256350.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	73.60	2.51	0.06	361100.00
TVC	22.80	3.64	0.03	253400.00
L14	50.80	2.63	0.02	38700.00
DHT	49.20	2.29	0.02	45100.00
SEB	33.50	9.84	0.02	300.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	49.10	-5.03	-3.05	1.11MLN
VCB	88.90	-1.22	-1.19	607060.00
VHM	86.20	-0.92	-0.78	373600.00
VIC	113.70	-0.61	-0.69	192700.00
VRE	31.10	-2.81	-0.61	611640.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.80	-4.23	-0.40	10.75MLN
ACB	23.60	-0.84	-0.32	1.27MLN
PVS	16.10	-1.83	-0.07	1.30MLN
NET	46.50	-8.64	-0.07	200.00
PGS	27.10	-4.58	-0.04	1300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGD	39.00	7.00	0.07	11560.00
TCR	3.06	6.99	0.00	4330.00
PTC	5.37	6.97	0.00	10.00
ST8	15.35	6.97	0.01	10.00
HII	10.75	6.97	0.01	325740.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIG	0.80	14.3	0.00	7300.00
DST	0.90	12.5	0.00	179400.00
KVC	1.10	10.0	0.01	101300.00
TST	6.60	10.0	0.00	300.00
SEB	33.50	9.8	0.02	300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DXV	3.39	-6.87	0.00	11150.00
TIX	27.90	-6.84	-0.02	30.00
DTL	11.40	-6.56	-0.01	220.00
SJF	1.65	-6.25	0.00	474720.00
DQC	13.80	-6.12	-0.01	69220.00

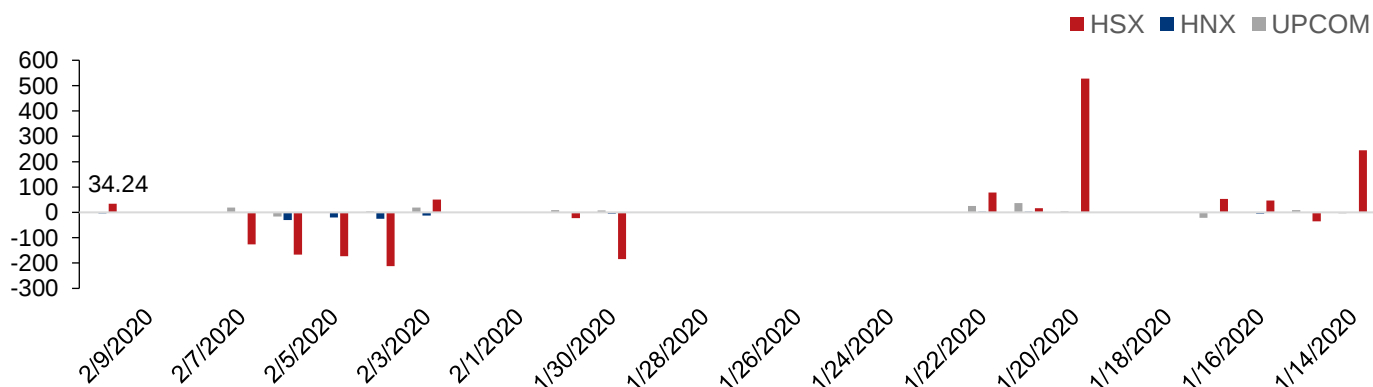
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.60	-14.29	-0.01	740500.00
BII	0.70	-12.50	0.00	124000.00
NRC	8.10	-10.00	-0.01	105400.00
SPI	0.90	-10.00	0.00	42500.00
BTW	52.00	-9.88	-0.01	2500.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
3	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
4	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
5	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
10	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
12	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
17	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
18	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
19	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	DHG	Y tế	Theo dõi	2/3/2020	93.0	n/a	101.0	4,668	21.6	3.9	Click
2	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	28.4	5,020	5.7	1.3	Click
3	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	81.5	5,327	15.3	4.0	Click
4	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	13.4	2,421	5.5	0.9	Click
5	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	159.2	29,035	5.5	4.3	Click
6	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	113.2	171.4	13.0	0	37.1	0.4	Click
7	MWG	Bán lẻ	Mua	16/12/2019	22.8	27.8	105.8	8,655	12.2	3.9	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	13.9	15.9	23.6	3,686	6.4	1.4	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	12.1	2,736	4.4	0.7	Click
10	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	125.1	162.5	21.9	2,881	7.6	1.2	Click
11	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	84.5	121.0	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	34.8	42.3	88.9	5,004	17.8	3.8	Click
13	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	26.6	7,028	3.8	1.4	Click
14	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	25.5	30.8	52.6	4,225	12.5	2.5	Click
15	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	20.0	29.1	26.6	3,897	6.8	1.2	Click
16	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	38.0	N/a	15.0	2,236	6.7	0.7	Click
17	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	78.5	82.7	29.1	2,846	10.2	0.6	Click
18	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	130.0	142.1	49.9	4,772	10.5	1.4	Click
19	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	22.3	26.0	109.0	5,478	19.9	6.9	Click
20	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	39.5	48.0	20.9	3,700	5.6	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu)
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giá định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chăn ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express VIB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 19500; Giá tại Publish 16700 Chúng tôi khuyến nghị THEO DÕI cổ phiếu VIB với giá mục tiêu 19,500 VND/cp, upside 17% với phương pháp P/B = 1.3x cho năm 2020 (tỷ suất chiết khấu 15%). BSC dự báo, VIB sẽ ghi nhận TOI và PBT trong năm 2020 lần lượt đạt mức 9,984 tỷ VND (+22.5% yoy) và 4,417 tỷ VND (+20% yoy), BVPS 2020 = 21,000 VND/cp
Express BID 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá tại Publish 40100 Trong năm 2019, BSC dự báo BID sẽ ghi nhận TOI = 50,265 tỷ VND (+13% yoy), PBT = 10,800 tỷ VND (+14% yoy). Trong năm 2020, BID sẽ ghi nhận TOI = 58,816 tỷ VND (+17% yoy), PBT = 13,134 tỷ VND (+21.6% yoy). BVPS 2020 = 14,862 VND/cp. Tăng vốn từ KEB Hana Bank giúp BID giải quyết vấn đề về CAR tạo room tăng trưởng thời gian tới. BID đã được SBV chấp nhận tuân thủ tiêu chuẩn Basel II vào tháng 12/2019, ước tính sau khi nhận được vốn từ Hana, CAR của BID sẽ được cải thiện lên mức 10.4%
Express VPB 2019Q4	5/12/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 26514; Giá tại Publish 19300 Chúng tôi dự báo, trong năm 2019, VPB sẽ ghi nhận TOI = 35,852 tỷ VND (+15.3% yoy) và PBT = 10,375 tỷ VND (+12.8% yoy). Trong năm 2020, TOI và PBT của VPB lần lượt ở mức 40,093 tỷ VND (+11.8% yoy) và 12,955 tỷ VND (+24.8% yoy).

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn